

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 24/10/2022

V/v: “Ly hôn, nuôi con,
chia tài sản, công nợ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn San.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quốc Trường và ông Nguyễn Đức Thủy.

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hòa - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam: Bà Vũ Thị Thanh Vân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 10 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2019/TLPT - HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2022 về việc “Ly hôn, nuôi con, chia tài sản, công nợ”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 16/2022/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐPT-HNGĐ ngày 12/9/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐ-PT ngày 26/9/2022 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1986; nơi ĐKNKTT: Tổ dân phố C, phường C, thị xã D, tỉnh Hà Nam; chỗ ở hiện nay: Thôn Câu Tử, xã Tiên Sơn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, có mặt.

* **Bị đơn:** Anh Đào Văn N, sinh năm 1984; nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường C, thị xã D, tỉnh Hà Nam, có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:**

- Bà An Thị L, sinh năm 1963; nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường C, thị xã D, tỉnh Hà Nam, vắng mặt.

- Ông Hoàng Văn K, sinh năm 1960; nơi cư trú: Thôn K, xã M, thị xã D, tỉnh Hà Nam, vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Đào Thị N, sinh năm 1963; nơi cư trú: Thôn K, xã M, thị xã D, tỉnh Hà Nam, có mặt.

*** Người kháng cáo:** bị đơn anh Đào Văn N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, tài liệu hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Chị Hoàng Thị T và Anh Đào Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường Châu Giang, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam vào năm 2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được hai con chung. Thời gian đầu kết hôn vợ chồng sinh sống tại Châu Giang và đến tháng 8 năm 2012 chị T chuyển xuống xã Tiên Sơn bán hàng và sinh sống ở đó còn anh N vẫn ở Châu Giang, thi thoảng anh N về thăm con chốc lát rồi lại đi.

Theo chị T mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2012, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, sống không hợp, anh N thường xuyên kiểm soát gây sự, đập phá tài sản, chửi bới, đánh đập chị đã từng phải mời Công an xã đến can thiệp. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài mà không được cải thiện, vợ chồng sống ly thân nhiều lần, gần đây từ năm 2021 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn anh N.

Theo anh N, nguyên nhân mâu thuẫn do sau khi mua đất năm 2011, xây nhà năm 2012 vợ chồng anh chuyển xuống ở thôn Câu Tử, xã Tiên Sơn, được một thời gian thì anh muốn chuyển về ở khu vực Hòa Mạc cho gần bên nội, bên ngoại nhưng vợ anh không đồng ý. Từ khoảng tháng 8 năm 2012 thì anh về Châu Giang ở thi thoảng xuống thăm con, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, xô xát. Vợ chồng anh sống ly thân từ năm 2021 đến nay không còn quan tâm tới nhau. Nay chị T xin ly hôn thì anh không đồng ý, nếu chị T cố tình xin ly hôn thì anh chỉ đồng ý ly hôn với điều kiện mỗi người nuôi một con chung và nhà đất để cho các con.

*** Về con chung:** Chị T, anh N cùng trình bày vợ chồng có hai con chung là Đào Hoàng H, sinh ngày 17/01/2014 và Đào Ngọc H1, sinh ngày 18/02/2016. Từ khi vợ chồng ly thân hai con ở với chị T tại Tiên Sơn. Chị T trình bày: Từ khi sinh ra đến khi vợ chồng sống ly thân hai con chung đang ở với chị, hiện các cháu đang theo học các trường dưới xã Tiên Sơn vì thế khi ly hôn chị xin nuôi hai con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung; hiện chị bán thuốc tây, thu nhập hàng tháng 20.000.000đ kinh tế độc lập, đủ khả năng nuôi con. Anh N xin nuôi cháu H, đồng ý để chị T nuôi cháu H1 và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; hiện nay anh làm thu mua sắt vụn thu nhập bình quân 10 triệu đồng/1 tháng.

*** Về tài sản chung:**

Các đương sự chị T, anh N cùng thống nhất vợ chồng có tài sản chung gồm: 145m² đất tại thửa số 90, PL09 thôn Câu Tử, xã Tiên Sơn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam đã được UBND thị xã Duy Tiên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; tài sản chung gồm có: 01 nhà mái bằng bê tông cốt thép 01 tầng có diện tích 90,65m²; 01 chòi cầu thang lợp tôn; 01 nhà tạm phía trước nhà, 01 lán tôn bên cạnh nhà, 01 bể nước mưa; 01 bể lọc; 02 tec nước; 09 tủ nhôm kính, 02 kệ sắt, 02 giường ngủ, 01 bộ bàn ghế, 01 sân bê tông.

Chị T trình bày: Nguồn gốc nhà đất được hình thành trong thời kỳ hôn nhân, do hai vợ chồng nhận chuyển nhượng đất, xây nhà bằng nguồn tiền chung của hai vợ chồng do vay nợ của bố mẹ chị và tiền của hồi môn của chị có bán đi để mua đất. Hiện nay diện tích đất này không phải đảm bảo nghĩa vụ gì. Khi ly hôn chị xin nhận nhà và tài sản trên đất, chị sẽ có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho anh N.

Anh N có quan điểm nhà đất, tài sản để lại cho các con, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

* Về công nợ:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Hoàng Văn K, Bà Đào Thị N trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng khó khăn, ông đã cho anh N, chị T vay 4,5 cây vàng SJC và 05 chỉ vàng 9999 bán đi để mua đất làm nhà, sau đó vợ chồng đã trả được 05 chỉ vàng 9999, nay ông, bà yêu cầu anh N, chị T phải trả 45 chỉ vàng SJC, không yêu cầu lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà An Thị L trình bày: Trước đây bà có yêu cầu anh N, chị T thanh toán công nợ 240.000.000đ tiền mua 4,8 xào ruộng tuy nhiên sau đó bà rút yêu cầu này; hiện nay bà chỉ yêu cầu anh N, chị T trả nợ cho bà tiền gốc: 85.000.000đ và tiền lãi tính theo lãi ngân hàng từ thời điểm vay đến nay.

Chị T thừa nhận vợ chồng còn nợ ông K, bà Nhâm 45 chỉ vàng SJC; đối với công nợ bà L yêu cầu thì chị chỉ thừa nhận chữ viết ở giấy biên nhận mà bà L đã xuất trình là do chị viết hộ, chị không thừa nhận nợ của bà L.

Anh N thừa nhận có nợ 85 triệu đồng của bà L, nhưng không có tiền lãi. Còn nợ ông K, bà N vợ chồng anh chỉ còn nợ 40 chỉ vàng SJC.

Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 16/2022/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam đã quyết định.

Căn cứ vào Điều 28; 35; 39; 147; 157; 165 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, 56, 58, 59, 60, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 471, 474, 477 Bộ luật dân sự 2005; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Xử lý hôn giữa Chị Hoàng Thị T và Anh Đào Văn N.

2. Về con chung: Giao Chị Hoàng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Đào Hoàng H, sinh ngày 17/01/2014 và Đào Ngọc H1, sinh ngày 18/02/2016 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Hoàng Thị T, Anh Đào Văn N được quyền thăm hỏi, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Chị T và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh N trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ:

3.1. Giao Chị Hoàng Thị T trực tiếp quản lý, sử dụng những tài sản sau:

+ 145m² đất trị giá: 1.885.000.000đ thửa 90 PL09 tại thôn Câu Tử, xã Tiên Sơn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam đã được UBND thị xã Duy Tiên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B1166979 ngày 11/01/2012, có tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp hộ ông Hùng: 23,95m
- Phía Nam giáp hộ ông Ung, ông Anh: 9,04m +15,12m
- Phía Đông giáp hộ ông Hùng, bà Ngà: 3,98m +1,33m
- Phía Tây giáp QL37: 6,59m

+ Tài sản trên đất: 01 nhà mái bằng 01 tầng trị giá: 310.178.000đ; 01 nhà tạm phía trước nhà: 55.135.000đ; 01 lán tôn bên cạnh nhà: 14.345.000đ; chòi cầu thang lợp tôn trị giá: 10.485.000đ; 01 bể nước mưa trị giá: 8.045.000đ; 02 tec nước trị giá: 2.400.000đ; 01 bể lọc trị giá: 3.321.000đ; 01 sân bê tông trị giá: 1.068.000đ. Các tài sản gồm: 02 giường ngủ; 01 bộ bàn ghế; 09 tủ nhôm kính; 02 kệ sắt có tổng trị giá: 13.140.000đ.

Tổng giá trị tài sản giao cho Chị Hoàng Thị T: 2.303.117.000đ (Hai tỷ ba trăm linh ba triệu một trăm mười bảy ngàn đồng).

3.2. Giao cho Chị Hoàng Thị T có trách nhiệm trả cho Ông Hoàng Văn K và Bà Đào Thị N: 45 chỉ SJC x 6.510.000đ/chỉ = 292.950.000đ (Hai trăm chín mươi hai triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng).

3.3. Giao cho Chị Hoàng Thị T có trách nhiệm trả nợ cho Bà An Thị L số tiền 85.000.000đ (Tám mươi lăm triệu đồng).

3.4. Buộc Chị Hoàng Thị T phải thanh toán chênh lệch tài sản sau khi đối trừ công nợ cho Anh Đào Văn N số tiền: 962.583.000đ (Chín trăm sáu mươi hai triệu năm trăm tám mươi ba ngàn đồng).

4. Về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản: Buộc Anh Đào Văn N phải thanh toán cho Chị Hoàng Thị T: 750.000đ (Bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

5. Bác yêu cầu của Bà An Thị L buộc chị T, anh N phải chịu tiền lãi của số tiền 85.000.000đ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí; biện pháp bảo đảm thực hiện trách nhiệm dân sự và quyền kháng cáo.

Trong thời hạn luật định, ngày 06/8/2022 Anh Đào Văn N có đơn kháng cáo bản án, đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết cụ thể như sau:

- Về tình cảm: Anh N không đồng ý ly hôn với Chị Hoàng Thị T.
- Về con chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Nhà và đất để lại cho hai con ở và thừa kế nên anh N không yêu cầu Tòa án phân chia, để cho các con ở và sinh sống.
- Về công nợ: Anh N và chị T tự giải quyết, tự trả nợ không cần Tòa án phải xử.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh N không nhất trí ly hôn. Về con chung, tài sản, công nợ anh không đề nghị Tòa giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam có quan điểm:

Việc chấp hành pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Anh Đào Văn N; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 16/2022/HNGĐ-ST ngày 28/7/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

Án phí dân sự phúc thẩm: Anh N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe kiểm sát viên phát biểu ý kiến; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Anh Đào Văn N trong thời hạn luật định và đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự quy định, nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của anh N:

Về nội dung anh N không đồng ý ly hôn với chị T thấy: Hôn nhân giữa Chị Hoàng Thị T và Anh Đào Văn N là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị đều xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống, dẫn đến vợ chồng mỗi người ở một nơi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng xảy ra xô xát, đập phá tài sản có lần chính quyền địa phương đã phải can thiệp giải quyết. Từ năm 2021 vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Hội đồng xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh N đã lâu, mặc dù đã được người thân khuyên can, sau khi thụ lý giải quyết Tòa án sơ thẩm, phúc thẩm đã hoà giải để anh chị đoàn tụ với nhau nhưng đều không có kết quả. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh N đã tồn tại trong thời gian dài mà không được cải thiện, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T đề nghị xin ly hôn với anh N và Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên xử lý hôn giữa Chị Hoàng Thị T và Anh Đào Văn N là phù hợp thực tế và quy định của pháp luật. Anh N kháng cáo không nhất trí ly hôn, song không đưa ra được biện pháp cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị T vẫn kiên quyết xin ly hôn anh N. Do vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo đối với nội dung này của anh N.

Xét nội dung kháng cáo về phần con chung: Trong đơn kháng cáo anh N xác định vợ chồng có hai con chung và không yêu cầu Tòa giải quyết. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết theo trình tự phúc thẩm anh N đề nghị được nuôi dưỡng cháu Đào Hoàng H, sinh ngày 17/01/2014. Nguyên vọng nuôi con chung là chính đáng của các bên. Chị T, anh N có 02 con chung là Đào Hoàng H, sinh ngày 17/01/2014 và Đào Ngọc H1, sinh ngày 18/02/2016. Hiện nay chị T đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy anh N là người có bệnh lý động kinh, phải uống thuốc thường xuyên tại cộng đồng, hàng tháng hưởng trợ cấp chất độc hóa học nên việc chăm sóc các cháu sẽ gặp khó khăn. Các cháu từ nhỏ ở cùng chị T, phát triển bình thường. Bản thân chị T có thu nhập ổn định, có đủ khả năng nuôi dạy hai cháu. Cháu Hải, Huyền đều đang học tại Trường tiểu học B Tiên Sơn, cháu Hải có nguyện vọng muốn ở cùng với mẹ. Do vậy để tránh sự xáo trộn việc sinh hoạt, học tập của các cháu nên Tòa án cấp sơ thẩm giao chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là phù hợp với thực tế và đảm bảo theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của Anh Đào Văn N.

Xét kháng cáo về phần tài sản chung là nhà và diện tích đất 145m² tại thôn Câu Tử, xã Tiên Sơn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam của anh N đề nghị Tòa án không phân chia nhà đất mà để lại cho hai con ở và sinh sống, thấy: anh N và chị T cùng xác định vợ chồng có tài sản chung là diện tích nhà và đất nêu trên thôn Câu Tử, xã Tiên Sơn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam. Về nguồn gốc nhà và đất do vợ chồng cùng tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân. Tuy nhiên trong quá trình xét xử

phúc thẩm anh N thay đổi quan điểm đề nghị nhà đất chung của vợ chồng chia đôi mỗi người một nửa. Xét thấy thửa đất số 90, PL09 thôn Câu Tử, xã Tiên Sơn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam đã được UBND thị xã Duy Tiên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI166979 ngày 11/01/2012 cho Anh Đào Văn N và Chị Hoàng Thị T chỉ có một mặt phía tây giáp đường QL 37B, có chiều rộng 6,59m. Trên đất có xây dựng ngôi nhà mái bằng kiên cố có chiều rộng nhà là 4,62m. Vì vậy để đảm bảo giá trị sử dụng của tài sản trên đất cần giao cho 01 người sử dụng và thanh toán bằng giá trị cho người không sử dụng là phù hợp. Cấp sơ thẩm căn cứ vào thực tế chị T cùng hai con đang sử dụng nhà và đất, anh N hiện đang làm ăn buôn bán tại Tổ dân phố C, phường C, thị xã D, tỉnh Hà Nam từ năm 2014 đến nay, nên đã giao cho chị T được sử dụng toàn bộ nhà, đất và có trách nhiệm thanh toán giá trị chênh lệch tài sản cho anh N là phù hợp. Do vậy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của anh N.

Về vấn đề công nợ: quá trình giải quyết vụ án, anh N, chị T đều xác định vợ chồng có nợ Ông Hoàng Văn K 45 chỉ vàng SJC và nợ Bà An Thị L 85.000.000đ. Cấp sơ thẩm giao cho chị T được quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản chung và buộc chị T có trách nhiệm thanh toán trả cho ông Khai 45 chỉ vàng SJC và bà L 85.000.000đ là phù hợp. Do vậy không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo về phần công nợ của anh N.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của anh N.

[3] Về vấn đề khác. Trong quá trình cấp phúc thẩm thụ lý giải quyết vụ án theo đơn kháng cáo của anh N, ngày 20/9/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam nhận được đơn yêu cầu định giá lại tài sản đề ngày 18/9/2022. Trong đơn anh đề nghị định giá lại toàn bộ thửa đất, nhà, tài sản trong nhà và quây thuốc Hoàng Thoan tại thôn Câu Tử, xã Tiên Sơn, thị xã Duy Tiên. Ngày 03/10/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam ra Thông báo số 01/TB-TA, thông báo cho anh N phải nộp tiền tạm ứng chi phí định giá lại và đến ngày 14/10/2022 ra thông báo lần 2, thông báo lại cho anh N trong thời hạn luật định phải nộp chi phí định giá lại tài sản. Tòa án đã giao các Thông báo nộp tạm ứng chi phí tố tụng cho anh N, nhưng đến hạn anh N không nộp chi phí tố tụng; tại phiên tòa phúc thẩm anh N không muốn ly hôn với chị T nên anh không đề nghị định giá lại tài sản. Do vậy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu định giá lại tài sản theo đơn đề nghị của anh N.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của anh N không được chấp nhận nên anh N phải chịu án phí theo quy định.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của Anh Đào Văn N.

Giữ nguyên bản án dân sự số 16/2022/HNGĐ-ST ngày 28/7/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, 56, 58, 59, 60, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Điều 471, 474, 477 Bộ luật dân sự. Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Xử lý hôn giữa Chị Hoàng Thị T và Anh Đào Văn N.

2. Về con chung: Giao Chị Hoàng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Đào Hoàng H, sinh ngày 17/01/2014 và Đào Ngọc H1, sinh ngày 18/02/2016 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Hoàng Thị T, Anh Đào Văn N được quyền thăm hỏi, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Chị T và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh N trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ:

3.1. Giao Chị Hoàng Thị T trực tiếp quản lý, sử dụng những tài sản sau:

+ 145m² đất trị giá: 1.885.000.000đ thửa 90 PL09 tại thôn Câu Tử, xã Tiên Sơn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam đã được UBND thị xã Duy Tiên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI166979 ngày 11/01/2012, có tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp hộ ông Hùng: 23,95m
- Phía Nam giáp hộ ông Ứng, ông Anh: 9,04m +15,12m
- Phía Đông giáp hộ ông Hùng, bà Ngà: 3,98m +1,33m
- Phía Tây giáp QL37: 6,59m

+ Tài sản trên đất: 01 nhà mái bằng 01 tầng trị giá: 310.178.000đ; 01 nhà tạm phía trước nhà: 55.135.000đ; 01 lán tôn bên cạnh nhà: 14.345.000đ; chòi cầu thang lợp tôn trị giá: 10.485.000đ; 01 bể nước mưa trị giá: 8.045.000đ; 02 tec nước trị giá: 2.400.000đ; 01 bể lọc trị giá: 3.321.000đ; 01 sân bê tông trị giá: 1.068.000đ. Các tài sản gồm: 02 giường ngủ; 01 bộ bàn ghế; 09 tủ nhôm kính; 02 kệ sắt có tổng trị giá: 13.140.000đ.

Tổng giá trị tài sản giao cho Chị Hoàng Thị T: 2.303.117.000đ (Hai tỷ ba trăm linh ba triệu một trăm mười bảy ngàn đồng).

3.2. Giao cho Chị Hoàng Thị T có trách nhiệm trả cho Ông Hoàng Văn K và Bà Đào Thị N: 45 chỉ SJC x 6.510.000đ/chỉ = 292.950.000đ (Hai trăm chín mươi hai triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng).

3.3. Giao cho Chị Hoàng Thị T có trách nhiệm trả nợ cho Bà An Thị L số tiền 85.000.000đ (Tám mươi lăm triệu đồng).

3.4. Buộc Chị Hoàng Thị T phải thanh toán chênh lệch tài sản sau khi đối trừ công nợ cho Anh Đào Văn N số tiền: 962.583.000đ (Chín trăm sáu mươi hai triệu năm trăm tám mươi ba ngàn đồng).

4. Về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản: Buộc Anh Đào Văn N phải thanh toán cho Chị Hoàng Thị T: 750.000đ (Bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

5. Bác yêu cầu của Bà An Thị L buộc chị T, anh N phải chịu tiền lãi của số tiền 85.000.000đ.

6. Về án phí:

Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Hoàng Thị T phải chịu: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Án phí chia tài sản: Chị Hoàng Thị T, Anh Đào Văn N mỗi người phải chịu: 36.000.000đ + (962.583.000đ - 800.000.000đ) x 3% = 40.877.000đ (Bốn mươi triệu tám trăm bảy mươi bảy ngàn đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đào Văn N, Chị Hoàng Thị T mỗi người phải chịu: (85.000.000đ + 292.950.000đ) x 2,5% = 9.448.000đ (Chín triệu bốn trăm bốn mươi tám ngàn đồng).

Số tiền tạm ứng án phí Chị Hoàng Thị T đã nộp 3.300.000đ (Ba triệu ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0000755 ngày 15/3/2022 được đối trừ khi thi hành án.

Trả lại cho Bà An Thị L tiền tạm ứng án phí bà đã nộp 8.000.000đ (Tám triệu đồng) theo biên lai số 0000794 ngày 31/5/2022. Miễn tiền án phí đối với yêu cầu tính lãi của Bà An Thị L không được chấp nhận.

Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Đào Văn N phải chịu. Đối trừ số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng anh N đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/00008326 ngày 24/8/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- TAND, VKSND thị xã Duy Tiên;
- Chi cục THADS thị xã Duy Tiên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Tòa DS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn San